

**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ**  
**CÔNG CỘNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**THÔNG TIN DANH MỤC NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC ĐƯỢC PHÉP ĐÀO TẠO**

| <b>TT</b>  | <b>Tên ngành</b>              | <b>Mã ngành</b> | <b>Số văn bản mở ngành</b> | <b>Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành</b> | <b>Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)</b> | <b>Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)</b> | <b>Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép</b> | <b>Năm bắt đầu đào tạo</b> | <b>Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh</b> |
|------------|-------------------------------|-----------------|----------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| <i>(1)</i> | <i>(2)</i>                    | <i>(3)</i>      | <i>(4)</i>                 | <i>(5)</i>                                               | <i>(6)</i>                                                | <i>(7)</i>                                                                     | <i>(8)</i>                                                        | <i>(9)</i>                 | <i>(10)</i>                                                     |
| 1.         | Công nghệ Kỹ thuật Môi trường | 7510406         | Số 4622/QĐ-BGDĐ            | 02/12/2019                                               |                                                           |                                                                                | Bộ Giáo dục và Đào tạo                                            | 2020                       | 2023                                                            |
| 2.         | Dinh dưỡng                    | 7720401         | Số 4637 / QĐ-BGDĐT         | 18/10/2016                                               | Quyết định số 963/QĐ-BGDĐT                                | 11/3/2018                                                                      | Bộ Giáo dục và Đào tạo                                            | 2017                       | 2024                                                            |
| 3.         | Kỹ thuật Xét nghiệm Y học     | 7720601         | Số 2020/QĐ-BGDĐT           | 12/6/2017                                                | Quyết định số 963/QĐ-BGDĐT                                | 11/3/2018                                                                      | Bộ Giáo dục và Đào tạo                                            | 2017                       | 2024                                                            |

| TT | Tên ngành                   | Mã ngành | Số văn bản mở ngành | Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành | Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất) | Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất) | Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép | Năm bắt đầu đào tạo | Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh |
|----|-----------------------------|----------|---------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------|
| 4. | Kỹ thuật Phục hồi chức năng | 7720603  | Số 4920/ QĐ-BGDĐT   | 25/12/2019                                        |                                                    |                                                                         | Bộ Giáo dục và Đào tạo                                     | 2020                | 2024                                                     |
| 5. | Y tế công cộng              | 7720701  | 6120/QĐ-BGDĐT/ĐH    | 7/11/2001                                         | Quyết định số 963/QĐ-BGDĐT                         | 11/3/2018                                                               | Bộ Giáo dục và Đào tạo                                     | 2002                | 2024                                                     |
| 6. | Công tác xã hội             | 7760101  | Số 4637 / QĐ-BGDĐT  | 18/10/2016                                        | Quyết định số 963/QĐ-BGDĐT                         | 11/3/2018                                                               | Bộ Giáo dục và Đào tạo                                     | 2017                | 2024                                                     |
| 7  | Khoa học dữ liệu            | 7480109  | Số 120/QĐ-ĐHYTCC    | 28/2/2022                                         |                                                    |                                                                         | Trường Đại học Y tế công cộng                              | 2022                | 2024                                                     |